

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2010	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Đào Việt Thắng	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thành viên ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Thanh Quyên	Thành viên ban kiểm soát

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, tòa nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
Chi nhánh tại Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng, lắp đặt công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất; Lập dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà, mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm; Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2010 và kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 26.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGUYỄN NGỌC ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 30 tháng 7 năm 2010

Số: /BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2010, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC tại ngày 30/6/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của

thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

P.GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN VĂN TUYÊN

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2010

HỒ ĐẮC HIẾU

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.083.977.251.500	990.483.153.230
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	56.963.738.765	40.817.142.011
1. Tiền	111		49.605.336.529	27.339.070.141
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.358.402.236	13.478.071.870
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.02	59.322.499.751	65.987.157.799
1. Đầu tư ngắn hạn	121		60.600.989.658	68.221.435.148
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.278.489.907)	(2.234.277.349)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.03	736.971.325.383	695.772.505.340
1. Phải thu khách hàng	131		730.830.828.776	687.800.450.210
2. Trả trước cho người bán	132		2.324.360.899	6.134.803.672
3. Các khoản phải thu khác	135		4.750.487.256	2.846.603.006
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(934.351.548)	(1.009.351.548)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	209.902.809.948	130.139.818.967
1. Hàng tồn kho	141		209.902.809.948	130.139.818.967
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.05	20.816.877.653	57.766.529.113
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.719.489	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.118.120.411	7.448.246.311
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.645.037.753	50.318.282.802
B. Tài sản dài hạn	200		336.985.546.361	306.877.648.192
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		77.377.762.892	78.295.821.623
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	15.198.222.628	17.336.821.177
- Nguyên giá	222		23.288.100.528	23.995.663.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.089.877.900)	(6.658.842.723)
2. TSCĐ vô hình	227	V.07	35.769.710.276	35.798.138.276
- Nguyên giá	228		36.128.566.436	36.116.566.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(358.856.160)	(318.428.160)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	26.409.829.988	25.160.862.170
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		256.482.756.805	225.456.799.905
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	183.725.628.805	151.030.540.805
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	1.750.000.000	5.209.131.100
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	76.832.207.200	75.042.207.200
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.12	(5.825.079.200)	(5.825.079.200)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.125.026.664	3.125.026.664
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.545.454	4.545.454
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	3.120.481.210	3.120.481.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.420.962.797.861	1.297.360.801.422

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		1.097.355.884.999	1.000.701.094.846
I. Nợ ngắn hạn	310		1.091.235.537.952	990.201.812.756
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	455.349.172.126	370.901.454.736
2. Phải trả người bán	312	V.14	408.698.610.741	445.135.437.168
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	210.390.878.582	164.760.978.852
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	6.540.945.850	3.300.290.053
5. Phải trả người lao động	315	V.16	600.000.000	2.309.950.000
6. Chi phí phải trả	316	V.17	738.612.523	779.246.068
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	5.145.704.245	212.519.883
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.771.613.885	2.801.935.996
II. Nợ dài hạn	330		6.120.347.047	10.499.282.090
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	6.107.785.630	10.482.256.673
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		12.561.417	17.025.417
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.20	323.606.912.862	296.659.706.576
I. Vốn chủ sở hữu	410		323.606.912.862	296.659.706.576
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		146.594.630.000	146.594.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.924.599.600	59.924.599.600
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		919.666.971	(1.864.895.410)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		50.188.176.799	29.730.276.679
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.220.162.902	5.204.376.835
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		57.902.166.390	57.213.208.672
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.420.962.797.861	1.297.360.801.422
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng - USD			700.436,44	46,846.14
6. Dự toán chi hoạt động			-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.653.304.968.657	1.943.176.524.888
<i>Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu</i>			14.642.157.331	1.451.636.764
2. Các khoản giảm trừ	02		121.770.000	3.182.156.795
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.21	2.653.183.198.657	1.939.994.368.093
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	2.577.149.241.947	1.905.495.648.856
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.033.956.710	34.498.719.237
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	24.466.928.433	7.002.817.514
7. Chi phí tài chính	22	VI.24	33.123.611.895	8.683.896.846
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.884.185.878	8.182.850.575
<i>Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính</i>			(955.787.442)	(3.205.795.272)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.25	16.016.230.947	10.161.182.318
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.26	8.122.828.183	5.696.585.607
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.238.214.118	16.959.871.980
11. Thu nhập khác	31	VI.27	846.756.426	3.155.232.060
12. Chi phí khác	32	VI.28	67.635.390	2.099.861.083
13. Lợi nhuận khác	40		779.121.036	1.055.370.977
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.017.335.154	18.015.242.957
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.29	4.265.759.251	1.512.446.133
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		39.751.575.903	16.502.796.824

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

	<i>Mã số</i>	<i>Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010</i>	<i>Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	44.017.335.154	18.015.242.957
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.133.511.320	674.688.110
Các khoản dự phòng	03	(1.030.787.442)	(3.205.795.272)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(16.057.191.287)	(5.687.447.254)
Chi phí lãi vay	06	28.884.185.878	8.619.090.109
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	57.947.053.623	18.415.778.650
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(4.120.449.094)	(59.253.682.698)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(79.762.990.981)	5.984.283.892
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	15.643.115.181	171.251.116.050
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(53.719.489)	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(28.884.185.878)	(8.182.850.575)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.512.446.134)	(1.460.797.301)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	182.794.908
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.897.058.109)	(3.046.223.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(43.640.680.881)	123.890.419.267
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.279.269.636)	(21.349.831.865)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	224.944.047	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(800.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	10.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(339.348.934.286)	(357.237.659.811)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	306.743.422.876	130.124.502.986
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.896.064.287	5.687.447.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.563.772.712)	(242.775.541.436)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	1.568.845.144.462	551.720.685.633
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.484.757.495.527)	(458.899.526.666)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.014.402.588)	(3.332.053.626)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(11.722.196.000)	(13.194.073.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	68.351.050.347	76.295.031.541
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	16.146.596.754	(42.590.090.628)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.817.142.011	178.004.620.729
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	56.963.738.765	135.414.530.101

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303522206 ngày 29/7/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 146.594.630.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hà Nội và chi nhánh Đà Nẵng.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

4 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở);

- Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

- Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất;

- Lập dự án đầu tư xây dựng;

- Kinh doanh nhà;

- Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm;

- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2010: 117 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***6 Danh sách Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
<i>Công ty TNHH Thép SMC</i>	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%
<i>Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương</i>	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
<i>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC</i>	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
<i>Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước</i>	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
<i>Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC</i>	124 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, Tp.HCM	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
<i>Công ty Cổ phần Hải Việt</i>	Lô số 47, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp Hà Nội	Nuôi trồng thủy sản, sản xuất, thương mại và dịch vụ	60%	60%
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt</i>	147/6 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35%	35%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (“VND”) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

- Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	39 năm
Phần mềm kế toán	2 - 3 năm

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

14. Thuế

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Công ty được miễn thuế trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005) và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Công ty được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 2 năm 2009 và 2010 do có chứng khoán niêm yết lần đầu theo công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/9/2006 của Bộ Tài Chính.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Hiện tại, Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế như đã đề cập ở trên. Số thuế phải nộp do Công ty tự xác định sẽ được điều chỉnh lại khi có biên bản kiểm tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp từ cơ quan Thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

17. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của thời kỳ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2010	01/01/2010
Tiền mặt (VND)	549.879.199	961.006.702
Tiền gửi ngân hàng (VND)	36.066.563.987	25.537.596.843
Tiền gửi ngân hàng (USD)	12.988.893.343	840.466.596
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng	7.358.402.236	13.478.071.870
Cộng	56.963.738.765	40.817.142.011

2. Đầu tư ngắn hạn	30/6/2010	01/01/2010
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	8.603.753.560	10.436.648.148
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	51.997.236.098	48.584.787.000
Cho vay ngắn hạn	-	9.200.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(1.278.489.907)	(2.234.277.349)
Cộng	59.322.499.751	65.987.157.799

(*) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2010

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Ngân hàng TMCP Á Châu	634	29.106.521	(5.521.721)	23.584.800
Ngân hàng CP Ngoại Thương	11.000	634.914.285	(117.914.286)	516.999.999
CN Công ty XD PTĐT Đà Lạt	25.000	345.000.000	-	345.000.000
Công ty CP Khoáng sản Bình Dương	107.660	3.517.840.854	-	3.517.840.854
CN Công ty XD PTĐT Đà Lạt	20.000	338.000.000	(56.000.000)	282.000.000
Công ty Inlaco Sài Gòn	55.000	1.830.000.000	(730.000.000)	1.100.000.000
Công ty Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	(127.770.200)	505.138.000
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.000	725.000.000	-	725.000.000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải	11.200	420.483.700	(241.283.700)	179.200.000
Công ty CP Thép Pomina	3.000	130.500.000	-	130.500.000
Cộng		8.603.753.560	(1.278.489.907)	7.325.263.653

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/6/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	730.830.828.776	687.800.450.210
Trả trước cho người bán	2.324.360.899	6.134.803.672
Phải thu khác	(3.1) 4.750.487.256	2.846.603.006
Cộng	(3.2) 737.905.676.931	696.781.856.888
Dự phòng phải thu khó đòi	(934.351.548)	(1.009.351.548)
Cộng	736.971.325.383	695.772.505.340

(3.1) Bao gồm:	30/6/2010
- Lãi ký quỹ phải thu	491.210.254
- Phải thu bán chứng khoán	3.705.536.500
- Lãi tiền gửi tiết kiệm phải thu	452.228.727
- Các khoản khác	101.511.775
Cộng	4.750.487.256

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(3.2) Trong đó, bao gồm các khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ là 15,000.00 USD tương đương 278.160.000 VND.

4. Hàng tồn kho	30/6/2010	01/01/2010
Hàng hoá	209.902.809.948	130.139.818.967
Cộng	209.902.809.948	130.139.818.967
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	209.902.809.948	130.139.818.967

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	53.719.489	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.118.120.411	7.448.246.311
Ứng tiền mua chứng khoán	3.200.000.000	-
Các khoản tạm ứng	116.476.300	96.100.000
Ký quỹ thuê nhà	29.000.000	38.375.799
Ký quỹ mua hàng hóa - VND	2.500.000.000	42.500.000.000
Ký quỹ mua hàng hóa - USD	5.799.561.453	7.683.807.003
Cộng	20.816.877.653	57.766.529.113

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.906.777.071	265.014.866	8.311.340.519	12.512.531.444	23.995.663.900
Mua mới	-	-	18.301.818	-	18.301.818
Đầu tư hoàn thành	-	-	-	-	-
Giảm	-	78.085.066	500.201.589	147.578.535	725.865.190
Số dư cuối kỳ	2.906.777.071	186.929.800	7.829.440.748	12.364.952.909	23.288.100.528
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	832.870.000	106.191.029	4.855.923.273	863.858.421	6.658.842.723
Tăng	275.040.000	15.090.000	515.445.810	1.287.507.510	2.093.083.320
Giảm	-	29.606.019	500.201.589	132.240.535	662.048.143
Số dư cuối kỳ	1.107.910.000	91.675.010	4.871.167.494	2.019.125.396	8.089.877.900
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.073.907.071	158.823.837	3.455.417.246	11.648.673.023	17.336.821.177
Số dư cuối kỳ	1.798.867.071	95.254.790	2.958.273.254	10.345.827.513	15.198.222.628

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.779.352.850 đồng.

Tài sản cố định giảm do góp vốn thành lập Công ty TNHH Một Thành viên Kinh doanh Thép SMC và do thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

		Phần mềm máy vi	
7. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	35.957.827.620	158.738.816	36.116.566.436
Mua mới	-	12.000.000	12.000.000
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(*) 35.957.827.620	170.738.816	36.128.566.436
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	200.800.000	117.628.160	318.428.160
Tăng	30.120.000	10.308.000	40.428.000
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	230.920.000	127.936.160	358.856.160
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	35.757.027.620	41.110.656	35.798.138.276
Số dư cuối kỳ	35.726.907.620	42.802.656	35.769.710.276

Nguyên giá phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 105.884.160 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM trị giá 33.607.900.000 đồng và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu Công nghiệp **Đoàng An, Thuaăn An, Bình Dỗng** trị giá **2.349.927.620** đồng.

8. Xây dựng cơ bản dở dang		30/6/2010	01/01/2010
- Mua sắm TSCĐ		3.977.054.628	3.884.054.628
- XDCB dở dang	(*)	22.432.775.360	21.276.807.542
Cộng		26.409.829.988	25.160.862.170
(*) Bao gồm:			
Công trình nhà kho tại Đồng An - Bình Dương		4.463.158.009	4.463.158.009
Công trình văn phòng tại 396 Ung Văn Khiêm		16.242.741.979	15.086.774.161
Chi phí lãi vay được vốn hóa tài sản cố định		1.726.875.372	1.726.875.372
Cộng		22.432.775.360	21.276.807.542

9. Đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	
		30/6/2010	01/01/2010
Công ty TNHH Thép SMC	(9.1) 100%	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Hải Việt	(9.2) 60%	13.104.000.000	13.104.000.000
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	(9.3) 100%	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	(9.4) 100%	40.621.628.805	27.906.540.805
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	(9.5) 100%	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	(9.6) 100%	20.000.000.000	20.000.000
Cộng		183.725.628.805	151.030.540.805

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(9.1) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH Thép SMC theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000110 ngày 25/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tính đến thời điểm 30/6/2010, Công ty đã góp 50 tỷ đồng tương đương 100% vốn điều lệ. Trong sáu tháng đầu năm 2010, Công ty đã nhận được lợi nhuận năm 2009 được chia từ việc đầu tư này là 6.027.917.270 đồng.

(9.2) Đầu tư dài hạn mua 312.000 cổ phần của Công ty cổ phần Hải Việt với giá mua là 42.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 60% (tổng vốn điều lệ: 5,2 tỷ đồng).

(9.3) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701117241 ngày 10/11/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Tính đến thời điểm 30/6/2010, Công ty đã góp 30 tỷ đồng tương đương 100% vốn điều lệ. Trong sáu tháng đầu năm 2010, Công ty đã nhận được lợi nhuận năm 2009 được chia từ việc đầu tư này là 2.586.267.060 đồng.

(9.4) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500974084 ngày 09/7/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tính đến thời điểm 30/6/2010, Công ty đã góp 40.621.628.805 đồng tương đương 50,78% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ 80 tỷ đồng).

(9.5) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104010805 ngày 03/7/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tính đến thời điểm 30/6/2010, Công ty đã góp 30 tỷ đồng tương đương 100% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ 30 tỷ đồng). Trong sáu tháng đầu năm 2010, Công ty đã nhận được lợi nhuận năm 2009 được chia từ việc đầu tư này là 482.402.547 đồng.

(9.6) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309517788 ngày 14/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tính đến thời điểm 30/6/2010, Công ty đã góp 20 tỷ đồng tương đương 100% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ 20 tỷ đồng).

Cho thời kỳ tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Việt, Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC, Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC.

10. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	30/6/2010	01/01/2010
Công ty cổ phần Cơ khí Chiến Thắng	-	3.459.131.100
Công ty Cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt (*)	1.750.000.000	1.750.000.000
Cộng	1.750.000.000	5.209.131.100

(*) Đầu tư dài hạn mua 175.000 cổ phần của Công ty Cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt với giá mua 10.000 đồng/cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010318 ngày 16/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, tỷ lệ đăng ký vốn sở hữu của Công ty là 35% tương đương 3,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/6/2010, số vốn thực góp của Công ty là 1.750.000.000 đồng tương đương 17,5% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ: 10 tỷ đồng). Trong sáu tháng đầu năm 2010, Công ty đã nhận được lợi nhuận năm 2009 được chia từ việc đầu tư này là 81.550.000 đồng.

11. Tài sản dài hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	1.908.888.800	1.908.888.800
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	1.211.592.410	1.211.592.410
Cộng	3.120.481.210	3.120.481.210

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

12. Đầu tư dài hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Đầu tư dài hạn khác	76.832.207.200	75.042.207.200
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(5.825.079.200)	(5.825.079.200)
Cộng (*)	71.007.128.000	69.217.128.000

(*) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2010

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Công ty CP Thép Pomina (trước đây là Công ty Cổ phần Thép - Thép Việt)	1.200.000	33.000.000.000	-	33.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	-	9.875.000.000
Công ty Cổ phần Thép Biên Hoà	420.596	12.175.807.200	(4.605.079.200)	7.570.728.000
Công ty Cổ phần bê tông 620 Long An	50.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	100.000	2.720.000.000	(1.220.000.000)	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất	1.400.000	14.000.000.000	-	14.000.000.000
NH TMCP Công Thương Việt Nam	200.000	4.051.400.000	-	4.051.400.000
Nhà Máy Cơ Khí Luyện Kim	30.000	510.000.000	-	510.000.000
Cộng		76.832.207.200	(5.825.079.200)	71.007.128.000

13. Vay và nợ ngắn hạn	30/6/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn	387.400.000.000	303.934.351.065
Vay cá nhân	59.391.566.000	58.769.566.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(19*) 8.557.606.126	8.197.537.671
Cộng	455.349.172.126	370.901.454.736

Chi tiết các khoản nợ vay và nợ ngắn hạn

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
NH Công Thương - CN TP.HCM	151.796.657.830	483.132.322.463	546.928.980.293	88.000.000.000
NH TNHH MTV HSBC	40.000.000.000	656.000.000.000	562.000.000.000	134.000.000.000
NH TNHH MTV ANZ	82.137.693.235	350.080.821.999	336.818.515.234	95.400.000.000
NH Vietcombank	-	70.000.000.000	-	70.000.000.000
NH Liên Việt - CN Tân Định	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Vay cá nhân	58.769.566.000	9.632.000.000	9.010.000.000	59.391.566.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.197.537.671	4.374.471.043	4.014.402.588	8.557.606.126
Cộng	370.901.454.736	1.573.219.615.505	1.488.771.898.115	455.349.172.126

Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay ngắn hạn số 09.671001/HĐTDHM ngày 09/01/2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung số 09.671001-07HĐTDBS ngày 03/6/2010 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ đồng, hạn mức vay là 212 tỷ đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay đến 31/7/2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất là nhà phố sẽ hình thành trong tương lai tại địa chỉ số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ước tính là 50.498.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/6/2010 là 88 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 100189 ngày 23/02/2010 với tiện ích hỗn hợp 140 tỷ đồng, lãi suất theo từng thư đề nghị cung cấp tiện ích, thời hạn vay 01 tháng. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/6/2010 là 134 tỷ đồng.

Khoản vay Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam theo hợp đồng vay ngắn hạn ngày 15/9/2009 với hạn mức tín dụng 5,000,000.00 USD; thời hạn vay 01 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/6/2010 là 95,4 tỷ đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0065/HK/10NH ngày 02/4/2010 và hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 24/5/2010 với hạn mức tín dụng là 135 tỷ đồng; lãi suất theo từng giấy nhận nợ; thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/6/2010 là 70 tỷ đồng.

Các khoản vay cá nhân được thực hiện theo từng biên bản thỏa thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động 1 %/tháng, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

14. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	30/6/2010	01/01/2010
Phải trả người bán	408.698.610.741	445.135.437.168
Người mua trả tiền trước	210.390.878.582	164.760.978.852
Cộng	619.089.489.323	609.896.416.020
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/6/2010	01/01/2010
Thuế nhập khẩu	37.510.195	53.072.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.958.068.158	3.204.755.041
Thuế thu nhập cá nhân	545.367.497	42.462.576
Cộng	6.540.945.850	3.300.290.053
16. Phải trả công nhân viên	30/6/2010	01/01/2010
Tiền lương tháng 13 còn phải trả	600.000.000	2.309.950.000
Cộng	600.000.000	2.309.950.000
17. Chi phí phải trả	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí lãi vay phải trả	738.612.523	779.246.068
Cộng	738.612.523	779.246.068
18. Các khoản phải trả, phải nộp khác	30/6/2010	01/01/2010
Kinh phí công đoàn	213.768.306	76.133.800
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	17.743.881
Phải trả Công ty TNHH MTV Kinh doanh thép SMC	4.791.602.939	-
Các khoản phải trả khác	140.333.000	118.642.202
Cộng	5.145.704.245	212.519.883

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

19. Vay và nợ dài hạn		30/6/2010	01/01/2010
Nợ dài hạn	(19.1)	14.665.391.756	18.679.794.344
Cộng		14.665.391.756	18.679.794.344
Nợ dài hạn đến hạn trả	(*)	(8.557.606.126)	(8.197.537.671)
Cộng		6.107.785.630	10.482.256.673

(19.1) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với:

Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease 7.639.292.722

Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam 7.026.099.034

Cộng **14.665.391.756**

Tài sản thuê tài chính đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty TNHH Thép SMC với giá chuyển nhượng bằng giá vốn. Các khoản nợ dài hạn liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính đến hạn trả là 8.557.606.126 đồng

20. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Nguồn vốn kinh doanh	146.594.630.000	-	-	146.594.630.000
Thặng dư vốn cổ phần	59.924.599.600	-	-	59.924.599.600
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(*) (142.489.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.864.895.410)	3.984.290.629	1.199.728.248	(**) 919.666.971
Quỹ đầu tư phát triển	29.730.276.679	20.457.900.120		50.188.176.799
Quỹ dự phòng tài chính	5.204.376.835	3.015.786.067		8.220.162.902
Lợi nhuận chưa phân phối	57.213.208.672	39.751.575.903	39.062.618.185	57.902.166.390
Cộng	296.659.706.576	67.209.552.719	40.262.346.433	323.606.912.862

(*) Tính đến thời điểm 30/6/2010, Công ty đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

(**) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ đối với các khoản tiền và tương đương tiền, các khoản công nợ ngắn hạn.

Cổ phiếu	30/6/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.659.463	14.659.463
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	14.659.463	14.659.463
- Cổ phiếu thường	14.659.463	14.659.463
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu thường	(6.718)	(6.718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.652.745	14.652.745
- Cổ phiếu thường	14.652.745	14.652.745
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2010	57.213.208.672
Lợi nhuận sau thuế phát sinh 06 tháng đầu năm 2010	39.751.575.903
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.464.735.998)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(3.015.786.067)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(20.457.900.120)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	(402.000.000)
Trả cổ tức năm 2009	(11.722.196.000)
Lợi nhuận lũy kế đến 30/6/2010	57.902.166.390

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
21. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	2.653.092.728.657	1.942.960.284.888
Doanh thu cung cấp dịch vụ	212.240.000	216.240.000
- Hàng bán bị trả lại	(121.770.000)	(3.182.156.795)
Cộng	2.653.183.198.657	1.939.994.368.093
22. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn thép các loại xuất bán trong năm	2.577.149.241.947	1.905.495.648.856
Cộng	2.577.149.241.947	1.905.495.648.856
24. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.551.304.835	2.992.957.313
Lãi ký quỹ	-	2.345.093.141
Hoàn nhập lãi ký quỹ năm 2009	(1.048.636.000)	-
Lãi bán chứng khoán	6.589.176.254	-
Cổ tức được chia, lợi nhuận được chia	9.894.957.077	349.396.800
Lãi do chênh lệch tỷ giá	3.014.735.899	1.315.340.260
Lãi cho vay	449.802.375	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.587.993	30.000
Cộng	24.466.928.433	7.002.817.514
23. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	28.884.185.878	8.182.850.575
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(955.787.442)	(3.205.795.272)
Lỗ bán chứng khoán	497.201.442	2.014.399.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.406.712.136	1.692.442.085
Chi phí tài chính khác	291.299.881	-
Cộng	33.123.611.895	8.683.896.846

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
25. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	3.251.565.005	3.743.958.542
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.461.360	900.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	791.985.810	593.943.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.156.125.692	4.938.942.278
Chi phí khác bằng tiền	1.775.093.080	883.437.688
Cộng	16.016.230.947	10.161.182.318
26. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2.481.177.832	2.077.892.882
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.252.302	4.622.924
Chi phí khấu hao	1.341.525.510	87.483.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.997.152.477	2.873.619.965
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(75.000.000)	-
Chi phí khác bằng tiền	1.367.720.062	652.966.336
Cộng	8.122.828.183	5.696.585.607
27. Thu nhập khác		
Thuế thu nhập được giảm	-	397.948.889
Thu nhập do được hỗ trợ phí bảo lãnh	460.378.182	363.333.333
Thu lãi quá hạn	53.871.725	291.195.420
Thu nhập tài sản chuyển nhượng	319.044.047	2.091.151.057
Thu từ hoạt động khác	13.462.472	11.603.361
Cộng	846.756.426	3.155.232.060
28. Chi phí khác		
Chi phí lãi chậm nộp thuế TNCN	3.695.933	-
Giá trị còn lại của tài sản đem đi góp vốn	63.817.047	2.091.151.057
Chi phí khác	122.410	8.710.026
Cộng	67.635.390	2.099.861.083

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

		Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
29. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(*)	4.265.759.251	1.512.446.133
			Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
(*) Bao gồm:			
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh			44.017.335.154
Tổng thu nhập kế toán trước thuế			44.017.335.154
- Cộng các khoản chi phí không hợp lệ			3.695.933
- Trừ lợi nhuận được chia từ các Công ty con			(9.096.586.877)
- Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia			(798.370.200)
- Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh			34.126.074.010
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh (25%)			8.531.518.503
- Thuế TNDN được giảm ước tính (50%)			(4.265.759.252)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ước tính			4.265.759.251

VII. Thông tin khác**1. Nghiệp vụ các bên liên quan**

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ	(1.027.956.751)
		Mua hàng hóa	(66.945.691.447)
		Bán hàng hóa	377.226.933.530
		Nhận lợi nhuận	6.027.917.270
		Cung cấp dịch vụ	67.500.000
Công ty Cổ phần Hải Việt	Công ty con	Lãi cho vay	449.805.375
		Bán hàng hóa	3.752.694.000
		Mua hàng hóa	(881.710.600)
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Nhận lợi nhuận	482.402.547
		Bán hàng hóa	209.759.934.862
		Mua hàng hóa	(84.948.645.270)
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ	(320.654.846)
		Mua hàng hóa	(78.443.445.758)
		Nhận lợi nhuận	2.586.267.060
		Cung cấp dịch vụ	84.740.000
		Bán hàng hóa	236.486.756.224
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Mua hàng hóa	(55.470.544.303)
		Cung cấp dịch vụ	39.000.000
		Bán hàng hóa	359.057.406.239
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	Công ty con	Mua hàng hóa	(717.531.024)
		Cung cấp dịch vụ	21.000.000
		Bán hàng hóa	42.062.043.611
Công ty CP SX TM Vật tư Sao Việt	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(153.634.091)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Phải thu	140.545.470.542
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Công ty con	Phải thu	79.934.513.990
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Công ty con	Phải thu	34.508.050.346
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Công ty con	Phải thu	8.175.693.104
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	Công ty con	Phải thu	137.028.049.761
		Phải trả khác	(4.791.602.939)
Công ty CP SX TM Vật tư Sao Việt	Công ty liên kết	Phải trả	(168.997.500)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc